

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-ST
Ngày: 16/10/2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thẻ
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Hữu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/9/2020 và ngày 16/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần k.

Trụ sở: Số 40-42-44 PHT, Phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng N**, Chức danh: Phó phòng KHCN kiêm phó phòng KHDN Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh S (theo văn bản ủy quyền số 521/UQ-CNST ngày 31/8/2020). (có mặt).

Địa chỉ: Số 193-197 đường THĐ, phường B, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Trần Quốc H**, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 370 đường L, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2020 của nguyên đơn Ngân hàng

Thương mại cổ phần K, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày:

Vào ngày 29/4/2018 ông Trần Quốc H ký với Ngân hàng thương mại cổ phần K - Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng tín dụng Visa số 20018172000060, với nội dung thỏa thuận như sau:

- Hạn mức thẻ Visa (thẻ tín dụng) là: 15.000.000 đồng;
- Loại thẻ: Visa Classic;
- Lãi suất vay: 22%/năm;
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng Quốc tế;
- Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng Quốc tế;

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông H đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông H không thực hiện. Tính đến ngày 10/12/2019 ông H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi chưa thanh toán là 4.277.685 đồng, tiền phạt chậm trả chưa thanh toán là 5.193.829 đồng và tiền phí phạt vượt hạn mức là 1.477.389 đồng. Tổng cộng là 25.948.903 đồng.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quốc H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tạm tính đến ngày 16/10/2020 số tiền 39.182.409 đồng (trong đó: Nợ gốc 15.000.000 đồng, lãi phát sinh 7.073.408 đồng, phí phạt chậm trả 11.493.829 đồng, phí phạt vượt hạn mức 5.365.170 đồng, phí thường niên 250.000 đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh cho đến ngày thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Trần Quốc H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu sau: Bản photo chứng thực Tờ “xác nhận thẻ pin”; Bản photo chứng thực giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank; Bản chính bảng kê tính lãi, phí thẻ tín dụng; Bản sao chứng thực quyết định số 2995/QĐ-NHKL ngày 15/8/2018 về việc ban hành quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank (kèm theo phụ lục 01 bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kienlongbank); Bản sao chứng thực quyết định số 831/QĐ-NHKL ngày 14/04/2020 về việc ban hành biểu phí dịch vụ của Ngân hàng thương mại Cổ phần K.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Quốc H không phản đối những tình tiết, sự kiện tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 22/03/2020 Ngân hàng ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Trần Quốc H theo giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 29/4/2018 là số 370 đường L, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án cho ông H do ông H thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ trên nhưng ông H không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng và ông H có giao kết giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế Số 20018172000060 ngày 29/4/2018 với nội dung Ngân hàng cấp cho ông H thẻ tín dụng có hạn mức 15.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 22%/năm,

phí phạt chậm trả là 3,5% số tiền chậm trả, phí vượt hạn mức 0,075%/ngày, ông H đã thực hiện các giao dịch mua hàng vào ngày 28/7/2018 với số tiền 10.000.000 đồng và giao dịch mua hàng ngày 31/7/2018 với số tiền 2.000.000 đồng đến ngày 11/8/2018 ông H giao dịch rút tiền mặt với số tiền 2.000.000 đồng và ngày 12/8/2018 giao dịch rút tiền mặt với số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền ông H sử dụng là 15.000.000 đồng. Từ ngày 10/9/2018 ông H đã sử dụng hết số tiền hạn mức được cấp là 15.000.000 đồng và từ đó ông H chưa thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo thỏa thuận tại phụ lục 01 bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kienlongbank (ban hành kèm theo quyết định số 2995/QĐ-NHKL ngày 15/8/2018 về việc ban hành quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank).

[4] Tại điểm f khoản 10.2 Điều 10 của phụ lục 01 bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kienlongbank (ban hành kèm theo quyết định số 2995/QĐ-NHKL ngày 15/8/2018 về việc ban hành quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank) thì ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/10/2020 ông H còn nợ lại tổng cộng số tiền là 39.182.409 đồng, trong đó: nợ gốc: 15.000.000 đồng; lãi phát sinh: 7.073.408 đồng, phí phạt chậm trả 11.493.829 đồng, phí phạt vượt hạn mức 5.365.170 đồng, phí thường niên 250.000 đồng là có căn cứ phù hợp với thỏa thuận tại bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kienlongbank (ban hành kèm theo quyết định số 2995/QĐ-NHKL ngày 15/8/2018 về việc ban hành quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank) và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định.

[5] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí. Bị đơn ông Trần Quốc H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.959.120 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

2. Buộc bị đơn ông Trần Quốc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/10/2020 còn nợ tổng cộng số tiền là 39.182.409 đồng, trong đó: nợ gốc: 15.000.000 đồng; lãi phát sinh: 7.073.408 đồng, phí phạt chậm trả 11.493.829 đồng, phí phạt vượt hạn mức 5.365.170 đồng, phí thường niên 250.000 đồng.

Kể từ ngày 17/10/2020 ông Trần Quốc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 648.700 đồng theo biên lai thu số 0001784 ngày 27/3/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Trần Quốc H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.959.120 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lý Bích Khiêm

